

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.559.470.939	29.205.085.891
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.249.158.859	9.655.131.390
1. Tiền	111		2.249.158.859	9.655.131.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	7.613.918.400
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	7.613.918.400
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		573.606.281	9.272.417.334
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	435.226.281	758.837.540
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	98.380.000	8.030.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	40.000.000	483.529.794
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	380.046.472	423.752.718
1. Hàng tồn kho	141		380.046.472	423.752.718
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		356.659.327	2.239.866.049
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	241.802.940	269.120.406
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		94.856.387	1.957.245.643
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	20.000.000	13.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.935.817.201	82.181.267.655
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.491.648.735	38.164.561.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	13.400.848.735	7.612.035.117
<i>Nguyên giá</i>	222		18.950.403.720	12.605.839.991
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.549.554.985)	(4.993.824.874)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	90.800.000	30.552.526.188
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	83.444.168.466	43.941.706.350
<i>Nguyên giá</i>	241		95.489.209.875	52.841.955.857
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(12.045.041.209)	(8.900.249.507)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	75.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	75.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.495.288.140	111.386.353.546

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		24.000.819.130	50.721.259.025
I. Nợ ngắn hạn		310		6.738.130.221	25.003.163.897
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	-	9.702.379.784
2.	Phải trả người bán	312		15.375.725	437.980.445
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.12	1.103.868.785	4.416.316.450
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	3.154.945.636	3.751.211.910
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.713.825.373	4.409.983.609
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.15	750.114.702	2.285.291.699
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		17.262.688.909	25.718.095.128
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.16	11.207.522.162	8.966.132.807
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.17	6.000.000.000	16.671.251.450
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.18	55.166.747	80.710.871
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		76.494.469.010	60.665.094.521
I. Vốn chủ sở hữu		410		76.494.469.010	60.665.094.521
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	25.644.300.000	25.644.300.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	23.895.000.000	23.895.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.19	3.467.696.025	3.467.696.025
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.19	3.877.145.712	3.877.145.712
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.19	19.610.327.273	3.780.952.784
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		100.495.288.140	111.386.353.546

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuế ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		133.078.416	79.692.638
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		55.723,63	427.632,01
Euro (EUR)		249,30	248,18
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2011

Châu Nữ Hiền
Người lập biểu

Nghiêm Thị Phụng
Kế toán trưởng



Lê Văn Cảnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	102.955.032.417	93.287.519.612
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	4.222.468	55.494.920
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	102.950.809.949	93.232.024.692
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	58.505.297.751	55.104.012.547
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.445.512.198	38.128.012.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	3.047.939.455	4.587.411.944
7. Chi phí tài chính	22	VL4	2.065.459.515	4.539.347.704
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.113.700.930	1.705.563.043
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	4.158.871.698	4.474.782.557
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	16.284.785.474	13.925.815.092
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.984.334.966	19.775.478.736
11. Thu nhập khác	31	VL7	3.497.721.094	228.010.321
12. Chi phí khác	32	VL8	976.897.788	80.678.289
13. Lợi nhuận khác	40		2.520.823.306	147.332.032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.505.158.272	19.922.810.768
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	7.054.630.328	3.743.353.992
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>20.450.527.944</u>	<u>16.179.456.776</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	<u>79.747</u>	<u>63.092</u>



Châu Nữ Hiền
Người lập biểu



Nghiêm Thị Phụng
Kế toán trưởng



Lê Văn Cảnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.505.158.272	19.922.810.768
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	4.480.284.025	3.482.227.445
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	135.689	6.966.432
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, 8	(2.210.935.171)	1.366.837.535
- Chi phí lãi vay	06		1.113.700.930	1.705.563.043
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.888.343.745	26.484.405.223
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.554.700.309	(6.725.061.142)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		43.706.246	547.531.289
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.468.173.882)	1.749.324.581
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		27.317.466	(269.120.406)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.113.700.930)	(1.705.563.043)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.13	(7.808.052.465)	(705.610.858)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.361.125.212	2.403.389.901
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.354.421.309)	(1.592.807.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.130.844.392	20.186.488.277
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(19.759.346.359)	(25.064.521.413)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	2.660.447.959	35.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(38.932.898.900)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.613.918.400	52.858.669.100
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.484.980.000)	(11.103.023.941)

CHỖ
ĐÓNG
CHỮ
KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.11, 17	23.454.174.901	41.869.362.392
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.11, 17	(43.827.806.135)	(34.803.292.942)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(5.678.070.000)	(8.303.765.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.051.701.234)	(1.237.695.550)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.405.836.842)	7.845.768.786
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.655.131.390	1.816.329.036
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(135.689)	(6.966.432)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.249.158.859	9.655.131.390

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2011



Châu Nữ Hiền
Người lập biểu



Nghiêm Thị Phụng
Kế toán trưởng



Lê Văn Cảnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại và dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh : Mua bán các mặt hàng thủ công mỹ nghệ và nông sản; Cho thuê mặt bằng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 9 của Công ty.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc thiết bị	6 - 9
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bám thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm: nhà tại số 161-163-165-167 Đồng Khởi và 15 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh (tòa nhà Opera View) và nhà số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh đều thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng để cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà trên đất và các thiết bị đi kèm từ 10 đến 50 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho nhân viên đối với thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp thôi việc là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp dự phòng trợ cấp thôi việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập theo Điều lệ Công ty.

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ có tức được công bố.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị đúng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

31/12/2010 : 18.932 VND/USD

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	117.939.500	17.079.700
Tiền gửi ngân hàng	2.131.219.359	9.638.051.690
Cộng	<u>2.249.158.859</u>	<u>9.655.131.390</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Võ Thị Lê Uyên	222.925.716	-
Rattanvilag	79.069.498	-
Asiul Trading Co., Ltd.	-	488.606.988
Công ty TNHH Quốc tế Minh Anh	-	194.539.119
Các khách hàng khác	133.231.067	75.741.433
Cộng	<u>435.226.281</u>	<u>758.887.540</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phước Thành - tổ hợp SXKD nón	82.900.000	-
DNTN Liên Thuận Phát - ứng tiền mua gạo	-	8.000.000.000
Công ty TNHH Hưng Tiến Phát - ứng tiền mua hàng máy	-	30.000.000
Các nhà cung cấp khác	15.480.000	-
Cộng	<u>98.380.000</u>	<u>8.030.000.000</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền hỗ trợ hàng xuất khẩu - Cơ sở Vạn Thành	-	100.000.000
Cho cán bộ công nhân viên vay	18.000.000	136.000.000
Chi phí hội chợ Ambienta	-	172.575.814
Hiệp hội xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ	-	50.203.980
Phải thu khác	22.000.000	24.750.000
Cộng	<u>40.000.000</u>	<u>483.529.794</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	30.621.737	27.062.471
Hàng hóa	349.424.735	396.690.247
Cộng	<u>380.046.472</u>	<u>423.752.718</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	269.120.406
Chi phí hội chợ	241.802.940	-
Cộng	<u>241.802.940</u>	<u>269.120.406</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng nhân viên	20.000.000	13.500.000
Cộng	20.000.000	13.500.000

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.277.584.861	28.571.429	2.106.174.341	193.529.360	12.605.859.991
Mua trong năm	-	-	-	159.409.636	159.409.636
Đầu tư xây dựng cơ bản chuyển sang	7.414.409.093	-	-	-	7.414.409.093
Thanh lý, nhượng bán (1.229.275.000)	(1.229.275.000)	-	-	-	(1.229.275.000)
Số cuối năm	16.462.718.954	28.571.429	2.106.174.341	352.938.996	18.950.403.720
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	520.080.000	-	40.000.000	88.391.275	648.471.275
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.143.949.141	4.761.902	745.874.768	99.239.063	4.993.824.874
Khấu hao trong năm	1.034.965.724	4.761.903	240.787.596	54.977.100	1.335.492.323
Thanh lý, nhượng bán (779.762.212)	(779.762.212)	-	-	-	(779.762.212)
Số cuối năm	4.399.152.653	9.523.805	986.662.364	154.216.163	5.549.554.985
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.133.635.720	23.809.527	1.360.299.573	94.290.297	7.612.035.117
Số cuối năm	12.063.566.301	19.047.624	1.119.511.977	198.722.833	13.400.848.735
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình. Chi phí phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ và BĐSĐT trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình cao ốc 236-238 Nguyễn Công Trứ	24.173.158.619	18.474.095.199	(42.647.253.818)	-
Công trình Tòa nhà văn phòng 3-5/1 Phan Văn Trường	6.379.367.569	1.035.041.524	(7.414.409.093)	-
Chi phí khảo sát thiết kế công trình 265 Nguyễn Văn Đậu	-	90.800.000	-	90.800.000
Cộng	30.552.526.188	19.599.936.723	(50.061.662.911)	90.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Là tòa nhà cho thuê.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	52.841.955.857	8.900.249.507	43.941.706.350
Số tăng trong năm	42.647.253.818	3.144.791.702	-
Số cuối năm	<u>95.489.209.675</u>	<u>12.045.041.209</u>	<u>83.444.168.466</u>

Tòa nhà 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần (xem thuyết minh số V.17).

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần	-	8.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Chợ Lớn	-	1.702.379.784
Cộng	<u>-</u>	<u>9.702.379.784</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.702.379.784	4.609.587.400
Số tiền vay phát sinh trong năm	15.985.760.000	31.198.110.942
Số tiền vay đã trả trong năm	(25.688.139.784)	(26.105.318.558)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>9.702.379.784</u>

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM Uyên Lai	-	162.785.838
Công ty TNHH Quốc tế Minh Anh	223.546.049	-
Công ty TNHH Duy Anh	405.362.100	953.786.933
Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long	441.569.700	1.295.461.795
Văn phòng đại diện PXP Việt Nam Asset Management	-	690.781.232
Công ty TNHH XNK Liên Thái Bình Dương	-	934.206.030
Các khách hàng khác	33.390.936	379.294.622
Cộng	<u>1.103.868.785</u>	<u>4.416.316.450</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	612.194.323	(612.194.323)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.483.842.873	(1.483.842.873)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.505.718.413	(1.394.790.063)	110.928.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.743.353.992	7.054.630.328	(7.808.052.465)	2.989.931.855
Thuế thu nhập cá nhân	6.127.918	595.573.681	(553.776.168)	47.925.431
Tiền thuế đất	-	366.318.207	(366.318.207)	-
Các loại thuế khác	1.730.000	160.707.243	(156.277.243)	6.160.000
Cộng	<u>3.751.211.910</u>	<u>11.778.985.068</u>	<u>(12.375.251.342)</u>	<u>3.154.945.636</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dụng cụ đồ nghề, phụ tùng...	5%
Cho thuê mặt bằng, giấy, chất tạo ngọt...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.11.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.505.158.272	19.922.810.768
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	713.363.038	1.467.783.472
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	28.218.521.310	21.390.594.240
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	7.054.630.328	5.347.648.560
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Thông tư 03/TT- BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính	-	(1.604.294.568)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>7.054.630.328</u>	<u>3.743.353.992</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	-	1.831.425.000
Tiền thương phải trả cho nhân viên	400.000.000	713.398.194
Phải trả cổ phần hóa	36.039.480	36.039.480
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đông Sa - Tiền xây dựng công trình	76.126.189	436.238.123
Công ty TNHH Kỹ nghệ Toàn Tâm - Tiền xây dựng công trình	-	1.241.788.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn - Tiền xây dựng công trình	879.085.805	-
Công ty TNHH Lê Hưu	113.135.000	-
Phải trả khác	209.438.899	151.094.012
Cộng	<u>1.713.825.373</u>	<u>4.409.983.609</u>

15. Quỹ theo thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong năm	Phân loại quỹ	Chi quỹ trong năm	Giảm trích quỹ năm 2009	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	755.055.112	511.263.199	22.946.253	(854.099.552)	(404.486.420)	30.678.597
Quỹ phúc lợi	728.245.232	511.263.198	-	(655.585.900)	(404.486.420)	179.436.110
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	801.991.355	560.954.898	(22.946.253)	(800.000.000)	-	540.000.000
Cộng	<u>2.285.291.699</u>	<u>1.583.481.295</u>	<u>-</u>	<u>(2.309.685.452)</u>	<u>(808.972.840)</u>	<u>750.114.707</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

17. Vay và nợ dài hạn

Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần để xây dựng trụ sở văn phòng Artex Sài Gòn tại 236-238 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Khoản vay này được thế chấp bằng các tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.671.251.450	14.697.974.384
Số tiền vay phát sinh trong năm	7.468.414.901	10.671.251.450
Số tiền vay đã trả trong năm	<u>(18.139.666.351)</u>	<u>(8.697.974.384)</u>
Số cuối năm	<u>6.000.000.000</u>	<u>16.671.251.450</u>

18. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	80.710.871	66.134.273
Trích lập quỹ trong năm	27.569.760	23.849.640
Số chi trong năm	<u>(53.113.884)</u>	<u>(9.273.042)</u>
Số cuối năm	<u>55.166.747</u>	<u>80.710.871</u>

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức năm trước	1.831.425.000	2.441.900.000
Chi cổ tức năm nay	<u>3.846.645.000</u>	<u>5.861.865.000</u>
Cộng	<u>5.678.070.000</u>	<u>8.303.765.000</u>

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	256.443	256.443
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	256.443	256.443
- Cổ phiếu phổ thông	256.443	256.443
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	256.443	256.443
- Cổ phiếu phổ thông	256.443	256.443
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	102.955.032.417	93.287.519.612
- Doanh thu bán hàng hóa	58.660.048.171	55.946.940.072
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.294.984.246	37.340.579.540
Các khoản giảm trừ doanh thu (Giảm giá hàng bán)	(4.222.468)	(55.494.920)
Doanh thu thuần	<u>102.950.809.949</u>	<u>93.232.024.692</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	58.655.825.703	55.891.445.152
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	44.294.984.246	37.340.579.540

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa	55.360.506.049	52.137.262.711
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.144.791.702	2.966.749.836
Cộng	<u>58.505.297.751</u>	<u>55.104.012.547</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay	25.782.423	137.317.018
Lãi tiền gửi ngân hàng	667.437.193	2.822.473.191
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	551.945.657	742.978.046
Lãi trả chậm	1.800.137.488	850.000.000
Doanh thu tài chính khác	2.636.694	34.643.689
Cộng	<u>3.047.939.455</u>	<u>4.587.411.944</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.113.700.930	1.705.563.043
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	1.350.630.973
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	951.622.896	1.476.187.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	135.689	6.966.432
Cộng	<u>2.065.459.515</u>	<u>4.539.347.704</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.068.203.780	1.064.974.593
Chi phí dụng cụ đồ dùng	510.831.154	188.283.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	874.926.218	248.313.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	550.599.861	669.917.957
Chi phí bằng tiền khác	1.154.310.685	2.303.292.823
Cộng	4.158.871.698	4.474.782.557

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.665.950.332	4.794.830.807
Chi phí đồ dùng văn phòng	102.988.406	91.004.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	460.566.105	267.164.197
Thuế phí và lệ phí	373.690.033	1.098.598.390
Chi phí dự phòng	82.430.936	23.849.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.367.599.460	6.670.772.788
Chi phí bằng tiền khác	1.231.560.202	979.594.818
Cộng	16.284.785.474	13.925.815.092

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	2.660.447.959	35.727.272
Thu tiền ký quỹ do thanh lý hợp đồng thuê mặt bằng trước hạn	643.281.355	170.643.172
Thu khác	193.991.780	21.639.877
Cộng	3.497.721.094	228.010.321

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	449.512.788	51.933.834
Phí bị phạt do chậm thanh toán	450.000.000	-
Chi phí khác	77.385.000	28.744.455
Cộng	976.897.788	80.678.289

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.450.527.944	16.179.456.776
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.450.527.944	16.179.456.776
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	256.443	256.443
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	79.747	63.092

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	7.734.154.112	5.859.805.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.480.284.025	3.482.227.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.905.708.914	8.718.577.359
Chi phí khác	2.468.301.823	3.306.737.281
Cộng	<u>23.588.448.874</u>	<u>21.367.347.485</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 3.397.527.188 VND (năm trước là 1.354.911.860 VND).

2. Các hợp đồng thuê đất

Công ty ký các Hợp đồng thuê đất như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 330/HĐTD-ĐKTK ngày 26 tháng 8 năm 2003 với Sở Tài nguyên môi trường của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc thuê đất tại số 161-163-165-167 Đồng Khởi và 15 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, diện tích đất thuê là 803m², thời gian thuê từ ngày 29 tháng 3 năm 2002 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046, đơn giá thuê giá thuê đất theo Hợp đồng là 96.600 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 6632/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 15 tháng 10 năm 2004 với Sở Tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc thuê đất tại số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, diện tích đất thuê là 511,3m², thời gian đến hết năm 2054, đơn giá thuê giá thuê đất theo Hợp đồng là 28.000 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 5467/HĐTD-ĐKKTD ngày 30 tháng 8 năm 2004 với Sở Tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc thuê đất tại số 3-5/1 Phan Văn Trường, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, diện tích đất thuê là 147,4m², thời gian đến hết năm 2020, đơn giá thuê giá thuê đất theo Hợp đồng là 5.040 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 5264/HĐTD-QLĐ ngày 01 tháng 8 năm 2003 với Sở địa chính nhà đất của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc thuê đất tại số 6-8 Hoàng Diệu, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh, diện tích đất thuê là 427,3m², thời gian thuê từ ngày 29 tháng 3 năm 2002 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046, đơn giá thuê giá thuê đất theo Hợp đồng là 21.000 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 597/HĐTD-TNMT ngày 10 tháng 9 năm 2003 với Sở Tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc thuê đất tại phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, diện tích đất thuê là 3.370m², thời gian thuê từ ngày 29 tháng 3 năm 2002 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046, đơn giá thuê giá thuê đất theo Hợp đồng là 6.500 VND/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 7023/HĐTD-ĐKKTD ngày 28 tháng 10 năm 2004 với Sở Tài nguyên và môi trường của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc thuê đất tại số 265 Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, diện tích đất thuê là 529,5m², thời gian đến hết năm 2020, đơn giá thuê giá thuê đất theo Hợp đồng là 11.900 VND/m²/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thuê đất số 5241/HĐTD-QLĐ ngày 01 tháng 8 năm 2003 với Sở địa chính nhà đất của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc thuê đất tại xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn TP. Hồ Chí Minh, diện tích đất thuê là 14.401m², thời gian là 50 năm kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2002, đơn giá thuê đất theo Hợp đồng là 600 VND/m²/năm.

Đơn giá thuê đất quy định trong các Hợp đồng trên được bên cho thuê điều chỉnh hàng năm.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê mặt bằng: Chủ yếu cho thuê mặt bằng tại các Tòa nhà 15 Lê Lợi, 16 Đồng Khởi và 236-238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và một số mặt bằng khác.
- Lĩnh vực thương mại: chủ yếu sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu hàng tiêu thủ công nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm sản vào các thị trường trong và ngoài nước.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh cho thuê mặt bằng	Lĩnh vực kinh doanh hàng xuất nhập khẩu	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44.294.975.246	58.655.834.703	102.950.809.949
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.294.975.246	58.655.834.703	102.950.809.949
Chi phí bộ phận	3.144.791.702	55.360.506.049	58.505.297.751
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	41.150.183.544	3.295.328.654	44.445.512.198
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	8.795.960.797	11.647.696.375	20.443.657.172
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.354.222.747	(8.352.367.721)	24.001.855.026
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	3.047.939.455
Chi phí tài chính	-	-	2.065.459.515
Thu nhập khác	-	-	3.497.721.094
Chi phí khác	-	-	976.897.788
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	7.054.630.328
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	20.450.527.944
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	42.647.253.818	7.573.818.729	50.221.072.547
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.144.791.702	1.335.492.323	4.480.284.025
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN

Địa chỉ: 3-5/1 Phan Văn Trường, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh cho thuê mặt bằng	Lĩnh vực kinh doanh hàng xuất nhập khẩu	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	37.340.579.540	55.891.445.152	93.232.024.692
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.340.579.540	55.891.445.152	93.232.024.692
Chi phí bộ phận	2.966.749.836	52.137.262.711	55.104.012.547
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	34.373.829.704	3.754.182.441	38.128.012.145
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	7.369.667.047	11.030.930.602	18.400.597.649
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.004.162.657	(7.276.748.161)	19.727.414.496
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	4.587.411.944
Chi phí tài chính	-	-	4.539.347.704
Thu nhập khác	-	-	228.010.321
Chi phí khác	-	-	80.678.289
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	3.743.353.992
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	16.179.456.776
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	4.549.428.418	4.549.428.418
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.966.749.836	515.477.609	3.482.227.445
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

4. Thông tin khác

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

